

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HS-PT

Ngày: 17 - 5 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Mến

Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 15/2021/TLPT-HS, ngày 07 tháng 4 năm 2021 đối với:

Bị cáo có kháng cáo: **Phan Minh T** (tên gọi khác: C), sinh ngày 01 tháng 9 năm 2001 tại huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn P và bà Thạch Thị Ngọc S; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không có; Tiền sự: Có 01 tiền sự (Ngày 08/7/2020 bị Công an xã Hiếu Trung, huyện Tiểu Cần xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chưa nộp tiền phạt); Nhân thân: Xấu; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/10/2020 cho đến nay (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, do không có kháng cáo nên không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 11/5/2020, bị cáo Phan Minh T đến làm thuê cho chị Lê Thị Thu L (dì của T), đến khoảng hơn 17 giờ cùng ngày thì nghỉ, chị L có kêu T điều khiển xe mô tô của chị L biển số 94G1-048.58 đi mua thức ăn và tổ chức uống rượu trên ghe chở dừa của chị L. Sau khi mua thức ăn về bị cáo T đậu xe mô tô nêu trên ở gốc cây dừa gần chỗ đậu ghe của chị L thuộc ấp K, xã T. Lúc nhậu gồm có bị cáo T, ông Võ Tấn H, ông Lê Văn T1, ông Nguyễn Thanh B, còn chị L ngồi chơi, đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì nghỉ uống rượu, tất cả ra về còn vợ chồng chị L ngủ trên ghe, xe mô tô biển số 94G1-048.58 vẫn còn đậu ngay gốc dừa không người quản lý. Khoảng 20 giờ cùng ngày bị cáo T gọi điện cho bị cáo Thạch T2 rủ bị cáo T2 đi uống cà phê thì T2 đồng ý, đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày bị cáo T2 mượn xe mô tô biển số 84B1-786.09 của Lê Hoài N đến nhà bị cáo T và chở T đi uống cà phê. Khi bị cáo T ra khỏi nhà thì bị cáo T2 hỏi bị cáo T *“Có tiền không mà đi uống cà phê”* nên bị cáo T kêu bị cáo T2 chở T đến bãi đậu ghe của chị L để mượn tiền. Khi đến gặp chị L, bị cáo T trực tiếp hỏi mượn tiền nhưng chị L không cho. Sau đó bị cáo T2 điều khiển xe chở T đi vòng vòng, lúc này bị cáo T2 hỏi T *“mày mượn có được tiền không, không được tao chở về nhà”*, bị cáo T trả lời *“không có”*, bị cáo T2 hỏi tiếp *“chiếc xe đậu dưới gốc cây dừa là xe của ai”*, bị cáo T trả lời *“của dì L, ý anh sao”*, bị cáo T2 nói tiếp *“ý mày sao”*. Sau đó cả bị cáo T2 và bị cáo T cùng hiểu ý nhau là sẽ lấy trộm xe của chị L nên bị cáo T2 chở bị cáo T quay lại nơi chị L đậu xe mô tô biển số 94G1-048.58. Khi đến, bị cáo T2 đứng ở đầu đường canh người, còn bị cáo T trực tiếp vào trộm xe của chị L và đem xe lấy trộm được giao cho bị cáo T2. Sau đó cả hai bị cáo đem xe vừa trộm được đến thành phố Trà Vinh với mục đích để nhờ bạn của T2 tên T3 (không rõ họ tên, địa chỉ) kiếm người nào cầm xe để lấy ma túy. Sau đó bị cáo T đứng ở ngoài đợi còn bị cáo T2 trực tiếp vào để thỏa thuận cầm xe với một đối tượng không rõ họ tên, địa chỉ, sau khi thỏa thuận xong bị cáo T2 hỏi bị cáo T *“xe cầm được 1.000.000 đồng, lấy tiền hay lấy ma túy”*, bị cáo T trả lời *“lấy ma túy hết đi”*, bị cáo T2 trả lời *“để lại một ít tiền để đổ xăng và mua thuốc hút”*. Bị cáo T2 và T thống nhất cầm xe mô tô vừa trộm được với giá 1.000.000 đồng nhưng lấy tiền mặt 200.000 đồng tiêu xài cá nhân, còn lại 800.000 đồng thì lấy hai tép ma túy đá và sử dụng hết.

Đến khoảng 11 giờ ngày 15/5/2020, bị cáo T gọi điện cho bị cáo T2 hỏi chiếc xe mô tô biển số 94G1- 048.58 còn ở chỗ cầm không thì bị cáo T2 nói là còn, do đó bị cáo T hỏi bị cáo T2 chuộc ra bao nhiêu tiền, bị cáo T2 nói 2.000.000 đồng. Sau đó bị cáo T gọi điện cho chị L và nói *“con biết chỗ lấy xe của dì rồi, người ta đòi 2.000.000 đồng để chuộc ra”*, chị L đồng ý nên bị cáo T gọi điện cho bị cáo T2 biết và bị cáo T2 hẹn gặp nhau tại khu vực Siêu thị Co.op mart Trà Vinh, sau đó bị cáo T cùng với chị L, anh H (chồng L) và ông Lê Văn

C (cha của L) đi lên khu vực Siêu thị Co.op mart Trà Vinh để gặp bị cáo T2. Khi gặp, bị cáo T2 dẫn bị cáo T, L, H, C đi theo bị cáo T2 tới khu vực cầu Long Bình 1 thuộc phường 5, thành phố Trà Vinh và bị cáo T2 kêu L, H, C ở quán cà phê đợi, còn bị cáo T2 và bị cáo T đi chuộc xe. Anh H đưa số tiền 1.000.000 đồng của chị L đưa cho bị cáo T để đi chuộc xe nhưng cả hai bị cáo không chuộc xe mà chiếm đoạt luôn số tiền 1.000.000 đồng của chị L để mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân. Đến ngày 03/8/2020 chị Thu L đến cơ quan Công an trình báo sự việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21 ngày 01/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tiểu Cần, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Citi, kiểu Wave Trung Quốc màu xanh, biển số 94G1-048.58, bánh cãm, thắng đùm có giá trị tại thời điểm ngày 11/5/2020 là 2.800.000 đồng.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có hành vi trộm cắp của bị cáo Thạch T2 cùng với Lê Hoài N, Thạch Cu M, do bị cáo Thạch T2 không có kháng cáo nên không thể hiện hành vi trong bản án này.

Về vật chứng, tài liệu, đồ vật thu giữ gồm có (trong vụ của bị cáo T):

- Tiền Việt Nam: 3.800.000 đồng (trong đó bị cáo T nộp 1.900.000 đồng và 1.900.000 đồng còn lại do mẹ ruột của bị cáo T2 tên Thạch Thị D nộp thay cho bị cáo T2 để bồi thường thiệt hại).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2021/HS-ST, ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Thạch T2 và bị cáo Phan Minh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Thạch T2 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21 tháng 10 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Phan Minh T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bị bắt chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo, bị hại, các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã ra quyết định xử lý vật chứng trả cho chị Lê Thị Thu L số tiền 3.800.000 đồng; trả cho bà Tô Thị A một xe mô tô biển số 84B1-786.09; trả cho anh Trần Văn D1 một xe mô tô biển số 84H4-8892; trả cho anh

Lý Công T2 một xe mô tô biển số 84B1-667.30 và trả cho anh Thạch R 02 bánh xe mô tô, loại bánh cãm nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo bản án và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 11 tháng 03 năm 2021, bị cáo Phan Minh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Những tình tiết bị cáo đưa ra để xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo là: Hình phạt 09 (chín) tháng tù áp dụng cho bị cáo là rất nặng, sau khi sự việc xảy ra bị cáo rất ăn năn và hối hận, gia đình bị cáo đã khắc phục hậu quả cho người bị hại, người bị hại là bà Lê Thị Thu L cũng có đơn xin bãi nại cho bị cáo, bị cáo xin được hưởng án treo để giúp đỡ cho ông bà ngoại già, mất sức lao động.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Đơn kháng cáo của bị cáo Phan Minh T còn trong thời hạn nên đề nghị xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo nại ra những tình tiết nêu trên để xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo là không có căn cứ, vì những tình tiết giảm nhẹ này bị cáo đã nêu tại phiên tòa sơ thẩm và cũng được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có nêu 01 tình tiết mới là người bị hại Lê Thị Thu L đã có đơn xin bãi nại cho bị cáo, mặc dù đây là tình tiết mới nhưng cũng không làm thay đổi bản chất vụ án. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, giữ nguyên mức hình phạt 09 (chín) tháng tù đối với bị cáo Phan Minh T, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bị bắt chấp hành án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Phan Minh T là trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo thừa nhận cùng bị cáo Thạch T2 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại Lê Thị Thu L, tài sản trộm là chiếc xe

mang biển số 94G1-048.58, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản là không oan, không sai.

Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo mức án 09 (chín) tháng tù là đã xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và phù hợp tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo cũng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phan Minh T xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, giữ nguyên mức hình phạt 09 (chín) tháng tù đối với bị cáo Phan Minh T như bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh là có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Minh T, giữ nguyên mức hình phạt như bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

[3] Đề nghị của Viện Kiểm sát xét xử phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phan Minh T.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2021/HS-ST, ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Phan Minh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt bị cáo Phan Minh T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bị bắt chấp hành án.

Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc Phan Minh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- C.An huyện T;
- CC THADS huyện T ;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Thị Kim Châu